

Số: 92/BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch năm 2021
Kỳ báo cáo: Tháng 6**

Kính gửi:

- Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư);
- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- Kho bạc Nhà nước.

Thực hiện Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công tháng 5 và ước thực hiện tháng 6 năm 2021 như sau:

1. Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công tháng 5/2021:

a) Thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch năm:

- Tổng số vốn được giao trong năm kế hoạch là 7.763.975 triệu đồng, trong đó: Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài thời hạn thanh toán theo quy định là 1.002.537 triệu đồng; vốn kế hoạch năm là 6.761.438 triệu đồng. Chênh lệch giữa kế hoạch vốn Trung ương giao (3.795.776 triệu đồng) và kế hoạch vốn địa phương giao (4.879.903 triệu đồng) là 1.084.127 triệu đồng, do địa phương giao tăng từ nguồn thu sử dụng đất.

- Lũy kế thanh toán vốn từ đầu năm đến hết tháng 5/2021 là 1.301.395 triệu đồng, đạt 16,8% so với kế hoạch giao, trong đó: Thanh toán vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài là 172.532 triệu đồng, đạt 17,21% kế hoạch giao; thanh toán vốn kế hoạch năm là 1.128.863 triệu đồng, đạt 16,7% kế hoạch giao.

b) Thanh toán vốn kế hoạch ứng trước (nếu có) và kết quả thực hiện vốn ứng trước chưa thu hồi: Chưa phát sinh.

2. Ước thực hiện vốn đầu tư công tháng 6/2021:

Ước lũy kế thanh toán vốn từ đầu năm đến hết tháng 6/2021 là 2.990.131 triệu đồng, đạt 38,5% so với kế hoạch giao, trong đó:

- Thanh toán vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài là 292.224 triệu đồng, đạt 29,2% kế hoạch giao;

- Thanh toán vốn kế hoạch năm là 2.697.907 triệu đồng, đạt 40% kế hoạch giao.

(Kèm theo Biểu tổng hợp số 01a/TTKHN)

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, các p Ng/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, TH.



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Biểu số 01/TTKHN

BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH NĂM 2021 - THÁNG 6

(Kèm theo Báo cáo số 92 /BC-UBND ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: triệu đồng



STT	Nội dung	Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm			Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài		Thanh toán vốn kế hoạch năm		Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 6/2021	Trong đó		
				Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch bộ, cơ quan trung ương/địa phương triển khai	Tổng số		Trong đó		Trong đó			Tổng số	Trong đó	
								15	16	12	13			14=15+16	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài
1		3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16
	Tổng số	7,763,975	1,002,537	3,795,776	6,761,438	1,301,395	172,532	112,299	60,234	1,128,863	1,018,780	110,083	2,990,131	292,224	2,697,907
A	DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ														
B	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	7,763,975	1,002,537	3,795,776	6,761,438	1,301,395	172,532	112,299	60,234	1,128,863	1,018,780	110,083	2,990,131	292,224	2,697,907
	Vốn trong nước	7,478,864	873,753	3,639,450	6,605,112	1,262,758	133,895	99,145	34,750	1,128,863	1,018,780	110,083	2,927,253	244,978	2,682,275
	Vốn nước ngoài, trong đó:	285,111	128,785	156,326	156,326	38,637	38,637	13,153	25,484	-	-	-	62,878	47,245	15,633
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	224,403	68,077	156,326	156,326	38,430	38,430	12,946	25,484	-	-	-	52,400	40,161	12,239
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	60,707	60,707	-	-	207	207	207	-	-	-	-	10,478	7,085	3,393
B.1	Vốn NSNN	7,763,975	1,002,537	3,795,776	6,761,438	1,301,395	172,532	112,299	60,234	1,128,863	1,018,780	110,083	2,990,131	292,224	2,697,907

	Vốn trong nước	7,478,864	873,753	3,639,450	6,605,112	1,262,758	133,895	99,145	34,750	1,128,863	1,018,780	110,083	2,927,253	244,978	2,682,275
	Vốn nước ngoài, trong đó:	285,111	128,785	156,326	156,326	38,637	38,637	13,153	25,484	-	-	-	62,878	47,245	15,633
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	224,403	68,077	156,326	156,326	38,430	38,430	12,946	25,484	-	-	-	52,400	40,161	12,239
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	60,707	60,707	-	-	207	207	207	-	-	-	-	10,478	7,085	3,393
I	Vốn cân đối ngân sách địa phương	6,018,783	464,492	2,588,630	5,554,292	816,343	103,091	68,341	34,750	713,252	642,044	71,207	2,407,513	185,797	2,221,717
	Ngân sách tỉnh quản lý	3,800,601	127,844	2,588,630	3,672,757	447,686	17,540	17,540	-	430,146	430,146	-	1,520,240	51,137	1,469,103
	Ngân sách huyện tự bố trí	2,131,975	314,488	-	1,817,487	336,928	78,535	43,785	34,750	258,393	189,511	68,882	852,790	125,795	726,995
	Ngân sách xã tự bố trí	86,208	22,160	-	64,048	31,729	7,016	7,016	-	24,713	22,388	2,325	34,483	8,864	25,619
II	Vốn ngân sách trung ương	1,745,192	538,046	1,207,146	1,207,146	485,052	69,441	43,957	25,484	415,611	376,736	38,875	582,618	106,427	476,191
	Vốn trong nước	1,460,081	409,261	1,050,820	1,050,820	446,415	30,804	30,804	-	415,611	376,736	38,875	519,740	59,182	460,558
	Vốn nước ngoài, trong đó:	285,111	128,785	156,326	156,326	38,637	38,637	13,153	25,484	-	-	-	62,878	47,245	15,633
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	224,403	68,077	156,326	156,326	38,430	38,430	12,946	25,484	-	-	-	52,400	40,161	12,239
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	60,707	60,707	-	-	207	207	207	-	-	-	-	10,478	7,085	3,393
I	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1,426,528	429,382	997,146	997,146	368,045	42,793	17,310	25,484	325,251	286,376	38,875	413,152	62,962	350,191
	Vốn trong nước	1,144,797	303,977	840,820	840,820	329,614	4,363	4,363	-	325,251	286,376	38,875	351,626	17,068	334,558
	Vốn nước ngoài, trong đó:	281,730	125,404	156,326	156,326	38,430	38,430	12,946	25,484	-	-	-	61,526	45,893	15,633
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	224,403	68,077	156,326	156,326	38,430	38,430	12,946	25,484	-	-	-	52,400	40,161	12,239
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	57,327	57,327	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9,126	5,733	3,393
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia	88,499	88,499	-	-	21,924	21,924	21,924	-	-	-	-	35,400	35,400	-

